

PHỤ NỮ VIỆT NAM VÀ VIỆC THAM GIA CHÍNH TRỊ

VƯƠNG THỊ HANH*

1. Chính sách của Đảng và Nhà nước về bình đẳng giới

Quan điểm của Đảng và Nhà nước về bình đẳng giới đã được thể hiện rất rõ trong hàng loạt các văn bản pháp luật. Trước hết thể hiện trong Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ năm 1946 và được khẳng định trong Điều 63, Hiệp pháp sửa đổi, bổ sung năm 1992: *“Công dân nam nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội và gia đình. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội”*.

Tiếp theo đó là hàng loạt các văn bản pháp luật khác như: Nghị quyết 04/TW ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới đã nêu rõ *“Mục tiêu giải phóng phụ nữ hiện nay là thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chị em, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ, thực hiện tốt nam nữ bình đẳng...”*. Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16/5/1994 của Ban bí thư Trung ương Đảng về *“Công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”* đã nhấn mạnh: *“...Việc nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế – xã hội là yêu cầu quan trọng để thực hiện bình đẳng, dân chủ của phụ nữ, là điều kiện để phát huy tài năng, trí tuệ và nâng cao địa vị của phụ nữ”*.

Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam đến năm 2010 đã đề ra mục tiêu tổng quát đó là: *“Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ. Tạo mọi điều kiện để thực hiện có hiệu quả các quyền cơ bản và phát huy vai trò của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội”*.

Điều đáng lưu ý, việc Chính phủ còn ban hành các Nghị định 29/1998/NĐ-CP kèm theo bản quy chế thực hiện dân chủ ở cấp xã ngày 11/5/1998 và Nghị

* Trung tâm Hỗ trợ giáo dục và Nâng cao năng lực cho Phụ nữ (CEPEW).

định 79/2003/NĐ-CP kèm theo quy chế mới về thực hiện dân chủ ở cấp xã ngày 7/7/2003 đã mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của cả nam giới và phụ nữ tham gia vào đời sống chính trị của cộng đồng. Thực hành dân chủ là yếu tố quan trọng để phụ nữ và nam giới tham gia vào đời sống chính trị của cộng đồng và quốc gia.

Gần đây nhất, ngày 29/10/2006, Quốc hội đã thông qua Luật Bình đẳng giới, khẳng định quyết tâm của Nhà nước Việt Nam trong việc thúc đẩy bình đẳng giới với những quy định về bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống gia đình và xã hội. Các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện bình đẳng giới. Vấn đề bình đẳng giới trong chính trị được nêu rõ tại Điều 11 của Luật Bình đẳng giới, quy định nam, nữ bình đẳng: 1) trong tham gia quản lý Nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; 2) trong tham gia xây dựng hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức; 3) trong việc ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp; 4) bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã ký Công ước quốc tế về “Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với Phụ nữ” (CEDAW) ngày 29/7/1980 và Hội đồng Nhà nước (nay là Quốc hội) đã phê chuẩn ngày 17/2/1982. Liên quan đến quyền bình đẳng của phụ nữ tham gia chính trị thể hiện ở Điều 7 của CEDAW. Việt Nam cũng đã rất tích cực thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh về bình đẳng, phát triển và hoà bình (1995) và Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Với những phân tích ở trên cho thấy phụ nữ Việt Nam có điều kiện hỗ trợ về mặt pháp lý trong việc tham gia chính trị.

2. Một số nét về tình hình phụ nữ tham gia chính trị ở Việt Nam

Tham gia chính trị không có nghĩa là lãnh đạo, nắm giữ quyền lực mà tham gia vào công việc xã hội và cộng đồng với nghĩa rộng như tham gia vào quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát thực hiện luật pháp, chính sách của Nhà nước và xây dựng cộng đồng, cũng như tham gia bầu cử, ứng cử và đề cử vào các cơ quan dân cử, vào các tổ chức chính trị - xã hội.... Tham gia chính trị ở mức độ cao là giữ một vị trí lãnh đạo trong cơ quan Đảng, cơ quan quyền lực, cơ quan quản lý Nhà nước, trong các tổ chức chính trị - xã hội...

Phụ nữ tham gia vào công việc chung của cộng đồng và quốc gia

Ý thức chính trị của người dân nói chung và của phụ nữ nói riêng được nâng cao thông qua việc tuyên truyền luật pháp và việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Tuy nhiên, sự tham gia của phụ nữ trong những sinh hoạt chính trị còn hạn chế. Nhiều phụ nữ, đặc biệt phụ nữ nông thôn chưa mạnh dạn trao đổi, tham gia ý kiến vào những công việc chung của cộng đồng, trừ những việc liên quan trực tiếp đến cuộc sống của gia đình và bản thân. Nhiều chị em kể cả ở thành thị và

nông thôn ít quan tâm đến việc tham gia xây dựng và tìm hiểu luật pháp, chính sách. Vẫn còn những chị em chưa ý thức được quyền và nghĩa vụ công dân của mình trong việc bầu cử, ứng cử và đề cử vào các cơ quan dân cử. Trong các cuộc bầu cử có hiện tượng chỉ có một người đại diện cho gia đình và chủ yếu là nam giới đi bầu cử thay cho các cử tri khác là thành viên của gia đình.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân: Một là, các cấp chính quyền chưa quan tâm đầy đủ đến việc phổ biến, tuyên truyền luật pháp, chính sách cho người dân, cũng như chưa có những biện pháp tích cực tạo điều kiện cho người dân tham gia bàn bạc dân chủ, đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng luật pháp, chính sách của Nhà nước và công việc của cộng đồng.

Hai là, phụ nữ là người gặp nhiều khó khăn, cản trở trong việc tham gia công việc cộng đồng và xã hội. Họ thường bị cuốn hút phần lớn thời gian vào việc lao động tạo thu nhập và công việc gia đình, do vậy không có điều kiện để quan tâm đến việc chung của xã hội. Thêm nữa, không ít phụ nữ vẫn quan niệm việc xã hội là việc của nam giới, nên phụ nữ thường mang tư tưởng an phận, tự ti.

Sự tham gia lãnh đạo và ra quyết định của phụ nữ

Những thành tựu đạt được về kinh tế - xã hội trong hơn 20 năm đổi mới và việc thực hiện chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước đã tạo cơ hội và điều kiện để phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các vị trí lãnh đạo và ra quyết định. Cho đến nay, phụ nữ đã có đại diện ở vị trí lãnh đạo trong nhiều ngành, nhiều cấp. Đội ngũ cán bộ nữ đã trưởng thành mọi mặt, góp phần nhất định trong công tác lãnh đạo, quản lý đất nước.

Tuy nhiên, sự tham gia của phụ nữ trong lãnh đạo và ra quyết định còn ở mức khiêm tốn. Đội ngũ cán bộ nữ phát triển chậm, thiếu vững chắc. Số liệu cho thấy tỉ lệ phụ nữ trong cấp ủy đảng còn thấp, chưa đạt chỉ tiêu đưa ra là 15%, trừ cấp cơ sở. Tỷ lệ phụ nữ trong Ban chấp hành Trung ương dưới 10% và giảm dần trong những năm gần đây. Phụ nữ trong Ban chấp hành Tỉnh ủy qua 4 khoá gần đây chỉ tăng 2%. Tỷ lệ phụ nữ trong Ban chấp hành các quận/huyện và xã/phường qua 3 khoá tăng từ 4-5% nhưng có xu hướng càng ở cấp cao thì phụ nữ tham gia cấp ủy đảng càng thấp. Tỷ lệ phụ nữ giữ vị trí Bí thư Đảng ủy các cấp địa phương dưới 5% và ủy viên thường vụ dưới 7% (Bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ phụ nữ trong các cấp đảng ủy (%)

Đảng uỷ các cấp	Khoá 1991-1995	Khoá 1996-2000	Khoá 2001-2005	Khoá 2006-2010
Ban chấp hành TW Đảng	-	10,6	8,00	7,5
Ban chấp hành Tỉnh uỷ	9,78	11,30	11,32	11,75
Ban chấp hành Quận/ huyện	10,57	11,68	12,89	14,75
Ban chấp hành Xã/phường	10	11,73	11,88	15,28

Nguồn: Ban Tổ chức Trung ương Đảng, 2004.

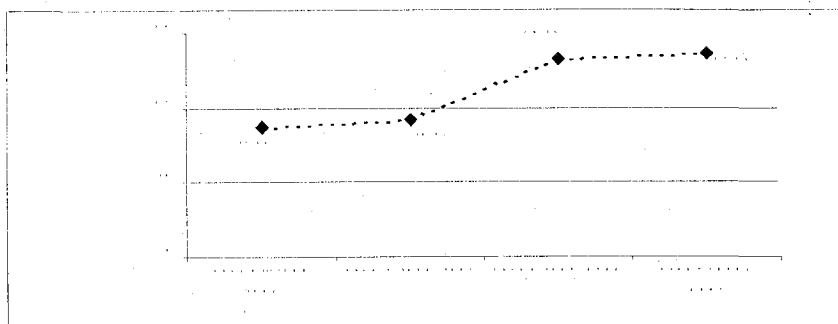
Phụ nữ tham gia Quốc hội

Số liệu từ Biểu đồ 1 cho thấy, tỉ lệ đại biểu nữ Quốc hội tăng nhanh trong 4 khoá gần đây (9,5%). Trong đó tỷ lệ phụ nữ là Chủ nhiệm ủy ban Quốc hội đạt 25% và ủy viên thường vụ đạt 22,2%.

Phụ nữ trong Hội đồng nhân dân các cấp

Xem xét tỉ lệ phụ nữ trong Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp tỉnh, quận/huyện và cấp xã/phường, cho thấy phụ nữ là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh năm 1989-1994 chỉ có 12,2% đến khoá 1994-1999 đã tăng lên 20,4%; 22,3% khoá 1999-2004 và khoá 2004-2009 là 23,8%. Nếu so sánh với 4 khoá gần đây tỉ lệ đại biểu nữ tăng 11% ở cấp tỉnh và huyện, trên 6% ở cấp xã/phường (Bảng 2). Tuy nhiên tỉ lệ phụ nữ giữ vị trí chủ chốt, chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp chỉ dưới 4%.

Biểu đồ 1. Tỷ lệ phụ nữ tham gia Quốc hội từ khoá VIII đến khoá XI (%)



Nguồn: Số liệu của Văn phòng Quốc hội 2000, 2004

Bảng 2. Tỷ lệ phụ nữ là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (%)

Chức danh	Nhiệm kỳ			
	1989-1994	1994-1999	1999-2004	2004-2009
Đại biểu HĐND Tỉnh	12,20	20,40	22,33	23,88
Đại biểu HĐND Quận/huyện	12,26	18,40	20,12	23,01
Đại biểu HĐND Xã/phường	13,20	14,39	16,56	19,54

Nguồn: Ban Tổ chức Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) 1997, 2001

Văn phòng Quốc hội, 2005.

Số liệu từ Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ phụ nữ trong cơ quan quản lý Nhà nước các cấp thấp dưới 13%. Đội ngũ cán bộ nữ phát triển chậm, thiếu vững chắc. Phụ nữ giữ vị trí chủ chốt trong các cấp chính quyền không đáng kể, trên dưới 5%.

Đánh giá chung

Phân tích số liệu và thông tin từ những nghiên cứu và khảo sát về công tác cán bộ nữ trong những năm gần đây của một số cơ quan Nhà nước, Hội Liên

hiệp Phụ nữ và tổ chức phi chính phủ cho thấy tỷ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo và ra quyết định trong các ngành, các cấp còn thấp so với sự tăng lên về số lượng và chất lượng của lực lượng lao động nữ (chiếm 48% tổng số lao động cả nước). Cụ thể tỷ lệ này chỉ đạt dưới 25% trong cơ quan dân cử ở địa phương (trừ Quốc hội 27,3%), dưới 15% trong các cấp ủy đảng và cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

Bảng 3. Tỷ lệ phụ nữ trong cơ quan quản lý Nhà nước (%)

Chức danh	Khoá 1989-1994	Khoá 1999-2004	Khoá 2004- 2009
Bộ trưởng và tương đương	9,52	11,29	12,5
Thứ trưởng và tương đương	7,05	12,85	9,15
Vụ trưởng và tương đương	13,03	12,00	12,20
Vụ phó và tương đương	8,90	8,10	9,15
Chủ tịch UBND Tỉnh	2,00	1,64	3,13
Chủ tịch UBND quận/huyện	1,40	5,27	-
Chủ tịch UBND xã/phường	2,80	3,02	-

Nguồn: Ban Tổ chức Trung ương Đảng, 2004.

Sự tham gia lãnh đạo và ra quyết định của phụ nữ không đồng đều trong các lĩnh vực, thường chỉ tập trung ở lĩnh vực xã hội. Hầu hết phụ nữ trong thường vụ Đảng ủy các cấp đều phụ trách công tác dân vận hoặc kiểm tra Đảng.

Các Bộ trưởng và phần lớn các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp là phụ nữ đều phụ trách công tác văn xã. Hầu như không có phụ nữ ở vị trí lãnh đạo cao (cấp Bộ, Vụ) trong bộ máy lãnh đạo những cơ quan, bộ phận mang tính chiến lược về kế hoạch, đầu tư, quản lý kinh tế, khoa học và công nghệ, quản lý nhân sự (đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ).

Sự tham gia của phụ nữ trong cơ quan dân cử các cấp còn mang tính hình thức, tiếng nói của phụ nữ trong tham gia xây dựng chính sách còn hạn chế. Có những phụ nữ được bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo cơ cấu thành phần mà không được đào tạo bồi dưỡng, còn thiếu năng lực và kỹ năng hoạt động, do vậy không đại diện được tiếng nói cử tri trong việc xây dựng luật pháp, chính sách cũng như tham gia quyết định những chủ trương biện pháp lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và của địa phương. Những đại biểu nữ này thường tự ti, thiếu mạnh dạn phát biểu trong cuộc họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân, kể cả trong tiếp xúc cử tri.

Phụ nữ ít có thực quyền trong bộ máy lãnh đạo và quyền lực. Quyền lực chính trị thường tập trung vào nam giới. Trong bộ máy lãnh đạo đảng, chính quyền và trong cơ quan dân cử đa số phụ nữ chỉ ở vị trí lãnh đạo cấp phó, là cấp

giúp việc cho thủ trưởng. Tỷ lệ phụ nữ giữ vị trí quyết định cao nhất trong hệ thống Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ dưới 5%.

3. Những yếu tố ảnh hưởng

Yếu tố tích cực

Môi trường chính trị thuận lợi. Là một trong những yếu tố tích cực thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới nói chung và sự tham gia chính trị của phụ nữ trong phạm vi quốc tế và quốc gia. Việc thực hiện bình đẳng giới là xu thế toàn cầu. Công ước quốc tế về quyền phụ nữ (CEDAW) đã trở thành nguyên tắc hành động của 185 quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam có nhiều chính sách tiến bộ thúc đẩy bình đẳng giới như đã trình bày ở phần trên bao gồm: Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Chiến lược quốc gia và kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của Phụ nữ; Luật Bình đẳng giới và vấn đề bình đẳng giới cũng được đề cập trong các văn bản pháp luật khác như: Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân, Luật Giáo dục, Luật Hình sự,...

Việt Nam có một bộ máy hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ với các hoạt động tích cực, tham mưu cho Đảng và Nhà nước những chính sách bình đẳng giới và bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ. Đó là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với hệ thống Hội các cấp; ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam với hệ thống hoạt động trong các bộ ngành và các cấp địa phương.

Nhận thức của xã hội về bình đẳng giới được nâng lên cũng là một yếu tố quan trọng. Xã hội và cộng đồng ngày càng nhận thức đúng hơn về bình đẳng giới và vai trò của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Hoạt động xã hội của phụ nữ được sự ủng hộ, hỗ trợ từ gia đình và cộng đồng. Bản thân phụ nữ cũng nhận thức rõ hơn về vai trò, vị trí của mình trong gia đình và ngoài xã hội. Nhiều chị em đã khẳng định được vị trí của mình, vượt mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu phát huy tài năng, trí tuệ đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

Môi trường kinh tế - xã hội được cải thiện có tác động tích cực đến sự tham gia chính trị của phụ nữ. Sự tham gia chính trị của phụ nữ không thể tách rời những yếu tố kinh tế - xã hội; Những chính sách đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược toàn diện về xoá đói, giảm nghèo, những chương trình mục tiêu của Quốc gia về việc làm, về chăm sóc sức khoẻ, về giáo dục và phòng chống tệ nạn xã hội,... góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân và là một yếu tố quan trọng tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia công tác xã hội.

Những yếu tố tiêu cực

Định kiến giới là một cản trở lớn trong thực hiện bình đẳng giới nói chung và bình đẳng trong tham gia chính trị của phụ nữ nói riêng. Định kiến giới đã tồn tại trong xã hội hàng nghìn năm và tư tưởng Khổng giáo về địa vị thấp kém của phụ nữ kéo dài tới hàng thế kỷ, đã ăn sâu trong nếp nghĩ và tâm thức của

mọi người trong xã hội và cộng đồng. Phụ nữ thường bị đánh giá thấp về năng lực, về tính quyết đoán, và do vậy thường bị gạt ra khỏi vị trí lãnh đạo.

Gánh nặng gia đình. Mặc dù đến nay đã có nhiều tiến bộ trong việc chia sẻ công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình, song trong xã hội vẫn còn tồn tại một quan niệm phổ biến coi việc nhà là trách nhiệm của phụ nữ. Điều đó ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện để phụ nữ nâng cao năng lực, trình độ, giao tiếp và tham gia công việc xã hội. Điều này dẫn đến tính an phận của phụ nữ. Trong không ít gia đình, đặc biệt ở nông thôn, do điều kiện kinh tế còn eo hẹp, vì vậy những điều lo toan trước mắt của phụ nữ là chăm lo cho cuộc sống gia đình và vì thế nhiều chị em ít để tâm đến việc tham gia các hoạt động chung và tham gia lãnh đạo ra quyết định.

Thiếu những chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Ngoài việc đảm bảo đời sống kinh tế, thời gian, sức khỏe, sự hiểu biết là điều kiện cần thiết để phụ nữ có thể tham gia hoạt động xã hội. Song Nhà nước, cụ thể là các cấp chính quyền thiếu những chính sách hỗ trợ đặc biệt về chăm sóc y tế, chăm sóc trẻ nhỏ (nhà trẻ, mẫu giáo), chính sách đào tạo bồi dưỡng và mở rộng dịch vụ hỗ trợ gia đình, để phụ nữ có điều kiện tham gia công tác xã hội nhiều hơn.

Thiếu quyết tâm và cam kết trách nhiệm của thủ trưởng các cấp, các ngành. Lãnh đạo các ngành, các cấp thiếu sự chỉ đạo sát sao việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ nữ như tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đề bạt phụ nữ, chưa mạnh dạn sử dụng, đề bạt cán bộ trẻ.

Thiếu quan tâm trong việc thực hiện biện pháp đặc biệt về chỉ tiêu phụ nữ tham gia lãnh đạo, ra quyết định, dẫn đến các chỉ tiêu đưa ra không đạt hoặc thực hiện chỉ tiêu theo cơ cấu hình thức mà không quan tâm đến chất lượng cán bộ. Thiếu kiểm tra, đôn đốc và định kỳ đánh giá việc thực hiện chính sách cán bộ nữ, thiếu biện pháp thưởng, phạt cần thiết đối với các đơn vị, ban ngành trong việc xây dựng và thực hiện chính sách cán bộ nữ.

Vai trò tư vấn, giám sát chính sách của Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ còn hạn chế, còn thiếu chiến lược và kế hoạch cụ thể trong tham mưu xây dựng quy hoạch cán bộ nữ. Thiếu chủ động trong việc giám sát kịp thời và có hiệu quả chính sách cán bộ nữ, đặc biệt trong các kỳ đại hội, các khoá bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân; chưa liên kết, thu hút được các tổ chức xã hội khác trong các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trong chính trị. Thiếu biện pháp tích cực trong xây dựng mạng lưới phụ nữ trong chính trị nhằm ảnh hưởng đến chính sách giới nói chung và chính sách cán bộ nữ nói riêng.

Một số kiến nghị

Cần xây dựng quan điểm đúng trong công tác cán bộ nữ. Cán bộ nữ là một bộ phận tất yếu trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Sự tham gia lãnh đạo của phụ nữ là cần thiết để: Thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trong tham gia quyền lực; Phát huy tài năng, trí tuệ của phụ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý đất nước; Góp phần xây dựng và thực hiện chính sách, luật

pháp đáp ứng lợi ích giới; Sự tham gia chính trị của phụ nữ không chỉ vì quyền lợi phụ nữ mà còn vì mục tiêu phát triển của quốc gia.

Xây dựng đội ngũ cán bộ nữ tăng về số lượng, mạnh về chất lượng và đồng bộ trong các ngành và lĩnh vực. Cần có những biện pháp hỗ trợ đặc biệt và biện pháp đặc biệt tạm thời trên cơ sở thừa nhận rằng phụ nữ có những bất lợi hơn nam giới trong tham gia công tác xã hội, để đảm bảo phụ nữ được bình đẳng thực sự trong tham gia vào bộ máy quyền lực(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3/2007.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, tháng 2 năm 2005.
2. Báo cáo của các tổ chức phi chính phủ về thực hiện Công ước CEDAW ở Việt Nam. 2006.
3. Báo cáo của các tổ chức phi chính phủ về 10 năm thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam, tháng 2 năm 2005.
4. Báo cáo quốc gia lần thứ 5 và 6 về tình hình thực hiện Công ước của Liên hiệp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với Phụ nữ (CEDAW). 2004.
5. Ban Tổ chức Trung ương Đảng. 2004. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chỉ thị 37-CT/TW ngày 16/5/1994 của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác cán bộ nữ trong tình hình mới.
6. Mạng giới và phát triển cộng đồng (GENCOMNET). 2006. Báo cáo về phụ nữ trong Hội đồng nhân dân.
7. Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Bộ Phát triển quốc tế Anh (DFID), Cơ quan Phát triển quốc tế Canada (CIDA). 2006. Đánh giá tình hình giới ở Việt Nam.
8. Nghị quyết 04/TW ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới và tăng cường vận động phụ nữ trong tình hình mới.
9. Số liệu của Văn phòng Quốc hội năm 2000, 2004, 2005.
10. Số liệu của Ban tổ chức Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) năm 1997, 2001.
11. Trung tâm hỗ trợ giáo dục và nâng cao năng lực cho phụ nữ (CEPEW). 2005. Báo cáo khảo sát về phụ nữ trong Hội đồng nhân dân.
12. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ. 2005. Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam tới năm 2010.